

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thùy Linh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy L trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên bà L và ông Q đi đến hôn nhân vào năm 1994, bà L và ông Q tự nguyện chung sống với nhau được sự cho phép của cha mẹ hai bên gia đình. Nhưng không có tổ chức đám cưới và đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi mới chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn Thúy L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1994 (nữ); Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997 (nữ), hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 25 tháng 10 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Q và bà L có thời gian tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân vào năm 1994, ông Q và bà L tự nguyện chung sống với nhau không có tổ chức đám cưới và đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi mới chung sống vợ chồng sống hạnh phúc Nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông Q đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1994 (nữ); Nguyễn Thị Y, sinh năm 1997 (nữ), hiện các con đã trưởng thành nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có Ý kiến khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy L và bị đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

### **Về nội dung vụ án:**

[1] Về hôn nhân: Bà L và ông Q có thời gian quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994 trên tinh thần tự nguyện, được sự cho phép của cha mẹ hai bên gia đình Nhưng không có tổ chức đám cưới và đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, Nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mặt khác, tại bản tự khai của ông Q ngày 25/10/2019 thì ông cũng thể hiện Ý kiến là đồng ý ly hôn với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn

của bà L và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau.

Xét thấy, bà L và ông Q chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà L và ông Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thúy L và ông Nguyễn Văn Q.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà L có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006871 ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tạo**